

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO****Kết quả thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn phường/xã.....**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNNMT ngày /6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

**I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

Việc chỉ đạo thực hiện của các cấp ủy, chính quyền, xây dựng và tổ chức phương án thu gom, xử lý rác thải đảm bảo mục tiêu trước mắt cũng như phương án lâu dài; duy trì tổ chức kiểm điểm, đánh giá định kỳ và đột xuất.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Đánh giá tổng quát kết quả thực hiện về thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn.**

**2. Kết quả cụ thể**

*2.1. Công tác ban hành cơ chế, chính sách về quản lý rác thải sinh hoạt.*

*2.2. Công tác phân loại, thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.*

- Công tác quy hoạch, bố trí các điểm tập kết, trạm trung chuyển rác thải; bố trí phương tiện thu gom, vận chuyển (số liệu minh chứng).

- Công tác phân loại rác thải tại nguồn: công tác chỉ đạo; hiện trạng công tác phân loại (có bao nhiêu mô hình của phường/xã, thôn thực hiện; cách thức thực hiện; khối lượng rác thải được phân loại,...).

- Công tác thu gom, vận chuyển rác thải: Tổng khối lượng rác phát sinh; khối lượng, tỷ lệ thu gom, vận chuyển (đô thị; nông thôn); đơn vị thực hiện thu gom, vận chuyển; hình thức thực hiện (đấu thầu, hợp đồng thuê khoán); phương thức, tần suất thu gom, vận chuyển.

- Việc bố trí các bể thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật (số liệu minh chứng) và hoạt động chuyên giao, xử lý.

*2.3. Công tác xử lý rác thải sinh hoạt*

- Hiện trạng các bãi chôn lấp rác thải, lò đốt rác, nhà máy xử lý rác thải; số bãi, khu xử lý đóng cửa (số lượng, kế hoạch đóng cửa).

- Khối lượng, tỷ lệ rác thải thu gom được xử lý (%), trong đó: tỷ lệ xử lý hợp vệ sinh % (đốt bằng lò đốt công nghệ %, chôn lấp hợp vệ sinh %, ủ phân vi sinh %); tỷ lệ xử lý không hợp vệ sinh (chôn lấp thủ công và đốt lộ thiên %); khối lượng rác thải tồn lưu được xử lý theo Quyết định số 241/QĐ-UBND và Quyết định số 427/QĐ-UBND (nếu có); số lượng các điểm tập kết (khu xử lý) tồn lưu rác thải chưa được xử lý (khối lượng tồn bao nhiêu);

- Phương án tái chế, tái sử dụng, tiêu hủy chất thải (khối lượng).

- Số lượng các điểm tồn lưu rác thải không đúng quy định tại ven đường giao thông, kênh mương,...

#### *2.4. Nguồn lực tham gia dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải*

- Số lượng đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải (Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ dịch vụ vệ sinh môi trường);

- Dụng cụ, thiết bị thu gom rác thải (số lượng từng loại)

- Phương tiện thu gom, vận chuyển rác thải (số lượng từng loại)

- Lao động tham gia thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải (số lượng);

- Chi phí chi trả cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý (cụ thể: chi phí mua sắm dụng cụ, thiết bị lưu giữ; mua sắm phương tiện thu gom, vận chuyển; chi phí nhân công, phương tiện; chi phí xử lý,...) (sử dụng bảng biểu nếu có).

#### *2.5. Hoạt động thu hút đầu tư Nhà máy xử lý rác thải và lắp đặt lò đốt rác*

- Tiến độ triển khai thực hiện của các nhà máy xử lý rác thải tập trung.

- Tình hình hoạt động của các lò đốt rác thải được lắp đặt.

*2.6. Việc thực hiện trách nhiệm theo Điều 16 Quyết định số 118/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.*

*2.7. Kinh phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt (nguồn từ ngân sách nhà nước; nguồn từ thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt).*

- Việc triển khai thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường. Tỷ lệ thu giá dịch vụ hiện nay (%), tổng kinh phí thu được (theo quý, năm).

- Công tác phân bổ, thanh quyết toán kinh phí.

- Nguồn kinh phí chi cho công tác thu gom, xử lý rác thải: ngân sách nhà nước từng cấp, thu giá dịch vụ, nguồn khác (số liệu cụ thể).

### **III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**

### **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI**

### **V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**